

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29

10:56
Group G8
Round 9
Board 1

WHITE Tang, Yintong						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Zhou Yixin						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C4	21	E3	Rc5	41	Ke2	Nd4	61		
2	Nc3	Nc6	22	Kh1	Nc5	42	Kd3	Nc6	62		
3	g3	g6	23	Bh4	Rh5	43	Rf8	Kc7	63		
4	Bg2	Bg7	24	Bg3	Ng5	44	Qd7	Kd7	64		
5	Nf3	d6	25	f4	Nh3	45	Rd1	Ke8	65		
6	O-O	Bf5	26	Kg2	g5	46	Beb	Kd8	66		
7	d3	Qd7	27	fg	Rd5	47	Ke4	Ke8	67		
8	Re1	Bh3	28	Kh2	Rh5	48	Kd5	Kd8	68		
9	Bh1	h5	29	Bc2	Rh7	49	Kd6	Ke8	69		
10	Ng5	h4	30	fg2	Ng5	50	Kd7	Kf8	70		
11	Nh3	Qh3	31	Rh1	Rh1	51	Ra2	Kc8	71		
12	Bg2	Qg4	32	Rh1	O-O-O	52	Rc8		72		
13	h3	Qd7	33	h2	Rf8	53			73		
14	g4	Ne5	34	Ke1	e5	54			74		
15	f3	f5	35	Rf1	Nc6	55			75		
16	Qa4	Nc6	36	Nd5	Bh6	56			76		
17	Be3	Nf6	37	Q3	Be3	57			77		
18	g5	Nh5	38	Ne3	f4	58			78		
19	Bf2	Nf4	39	Bf4	Nf4	59			79		
20	Bf1	Rh5	40	Bg4	Nd3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) S S L					
Tang, Yintong			Zhou Yixin								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29

10:56
Group G8
Round 9
Board 1

WHITE Tang, Yintong						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Zhou, Yixin						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	E3	Rxg5	41	Ke2	Nd4	61		
2	Nc3	Nc6	22	Kh1	Ne6	42	Kxd3	Ne6	62		
3	g3	g6	23	Bxh4	Rh5	43	Rxf8	Kc7	63		
4	Bg2	Bg7	24	Bg3	Ng5	44	Qxd7	Kxd7	64		
5	Nf3	d6	25	f4	Nh3	45	Rf7	Ke8	65		
6	O-O	Bf5	26	Kg2	g5	46	Bxe6	Kd8	66		
7	d3	Qd7	27	fg	Rxg5	47	Ke4	Ke8	67		
8	Re1	Bh3	28	Kh2	Rh5	48	Kd5	Kd8	68		
9	Bh1	h5	29	Bc2	Rh7	49	Kxd6	Ke8	69		
10	Ng5	h4	30	Kg2	Ng5	50	Rxb7	Kf8	70		
11	Nxh3	Qxh3	31	Rh1	Rxh1	51	Rxa7	Ke8	71		
12	Bg2	Qg4	32	Rxh1	O-O-O	52	Ra8		72		
13	h3	Qd7	33	Kf2	Rf8	53			73		
14	g4	Ne5	34	Ke1	e5	54			74		
15	f3	f5	35	Rf1	Ne6	55			75		
16	Qa4	Nc6	36	Nd5	Bh6	56			76		
17	Be3	Nf6	37	Q3	Bxe3	57			77		
18	g5	Nh5	38	Nxe3	f4	58			78		
19	Bf2	Nf4	39	Bxh4	Nxf4	59			79		
20	Bf1	Rh5	40	Bg4	Mxd3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER) S S L					
Tang, Yintong			Zhou Yixin								

12:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.29

Group
G8
Round
9
Board
2

WHITE Zha Yunxi				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Wu, Shihua				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1	Bg7	41	a3	Gb2	61	Ke4	a4
2	Nf3	Nc6	22	Ge3	Gc7	42	Kh3	Ga3	62	Kd3	f3
3	d4	col	23	Ne1	Gc4	43	Kg2	ab2	63	Ke3	Kg4
4	Nd4	Nf6	24	e5	Qd5	44	Kh3	Gf6	64	Kd3	a3
5	Nc3	e5	25	Nf3	de	45	Kg2	Gf5	65	Ke3	Kg3
6	Ndb5	d6	26	C4	Qd6	46	Qf5	g4	66	Kd3	a2
7	f4	a6	27	Ba3	Gc7	47	Nh4	Rcl	67	Ke3	f2
8	fe	Ne5	28	Rb91	Nf4	48	Nf5	Rc4	68	Kd3	f1-a4
9	Nd4	h6	29	Nd2	Rfd8	49	Ng7	Rc2	69	Kd4	Rb3
10	Be2	Bg4	30	Ge1	Mh3	50	Kf3	Rh2	70	Kd5	Rh4
11	h3	Be2	31	Rd1g3	Gd1d7	51	Nf5	Kg6	71	Kd6	Rb5
12	Ge2	g6	32	Rg2	Nf4	52	Ne7	Kg5	72	Kc6	Rg4
13	Gt2	Bg7	33	Rf4	ef	53	Nd5	b5	73	Kc7	Rg3
14	O-O	O-O	34	Ge4	Qh3	54	Nf4	b4	74	Kc8	Rg1
15	Kh1	Kh7	35	Kg1	Ga3	55	Nd3	b4	75	Kd8	Gf8
16	g4	Nfd7	36	Nf3	Gb4	56	Ke3	b2	76		
17	Rg1	Nc5	37	Rh2	Rcl	57	Nb2	Rg2	77		
18	b4	Ne6	38	Kg2	Gb2	58	Kd3	f5	78		
19	Nf3	Ng4	39	Kh3	Gf6	59	Ke3	a5	79		
20	Rg4	Bc3	40	Kg2	Rb8	60	Kd3	f4	80		
SIGNATURE (WHITE) Zha Yunxi				SIGNATURE (BLACK) Wu, Shihua				SIGNATURE (ARBITER) y2			

12:05

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.29

Group
G8
Round
9
Board
2

WHITE Zha Yunxi				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Wu, Shihua				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rb1	Bg7	41	a3	Qb2	61	Kf3	a4
2	Nf3	Nc6	22	Qa3	Qc7	42	Kh3	Qa3	62	Kd3	f3
3	d4	col	23	Ne1	Qc5	43	Kb2	Qb2	63	Kc3	Kb4
4	Nd4	Nf6	24	Es	Qd5	44	Kh3	Qf6	64	Kh3	a3
5	Nc3	e5	25	Nf3	ed	45	Kh3	Qf4	65	Kc3	Kb3
6	Ndb5	d6	26	C4	Qd6	46	Qf5	Nf4	66	Kd3	a2
7	f4	a6	27	Ba3	Qc7	47	Rc1	Nf4	67	Kc3	C2
8	fe	Ne5	28	Rb91	Nf4	48	Nf5	Rc4	68	Kd3	C1-LQ
9	Nd4	h6	29	Nd2	Rfd8	49	Ng7	Rc2	69	Kd4	Rb3
10	Be2	Bg4	30	Ge1	Mh3	50	Kf3	Rh2	70	Kd5	Rh4
11	h3	Be2	31	Rd1g3	Gd1d7	51	Nf5	Kg6	71	Kd6	Rb5
12	Ge2	g6	32	Rg2	Nf4	52	Ne7	Kg5	72	Kc6	Rg4
13	Gt2	Bg7	33	Rf4	ef	53	Nd5	b5	73	Kc7	Rg3
14	O-O	O-O	34	Ge4	Qh3	54	Nf4	b4	74	Kc8	Rb7
15	Kh1	Kh7	35	Kg1	Ga3	55	Nd3	b4	75	Kd8	Qc8
16	g4	Nfd7	36	Nf3	Gb4	56	Ke3	b2	76		
17	Rg1	Nc5	37	Rh2	Rcl	57	Nb2	Rg2	77		
18	b4	Ne6	38	Kg2	Gb2	58	Kd3	f5	78		
19	Nf3	Ng4	39	Kh3	Gf6	59	Ke3	a5	79		
20	Rg4	Bc3	40	Kg2	Rb8	60	Kd3	f4	80		
SIGNATURE (WHITE) Zha Yunxi				SIGNATURE (BLACK) Wu, Shihua				SIGNATURE (ARBITER) y2			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24 .3

Group

Round

9

Board

3

WHITE Nomumundari						FED		RESULT (W)			
BLACK Wang, Yinglun						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	u13	u16	21	bc3	f6	41	h4	Tbc5	61		
2	c4	c5	22	b4	Tb4c8	42	b4	b68	62		
3	g3	g6	23	bc	Tbc5	43	tra3	Td5	63		
4	g2	g7	24	bcs	Tacs	44	td5	td5	64		
5	o-o	o-o	25	Tbd1	Td8	45	bc4	e6	65		
6	d4	cd	26	td4	Tcs3	46	Tb3	b68	66		
7	u14	u16	27	Td3	Td3c2	47	Tb3	Hg8	67		
8	u16	bc	28	Hg2	bcs	48	b66	Tcs5	68		
9	u13	Tb7	29	Td3	b67	49	b63	bcs	69		
10	Tcs	u14	30	Tb64	Tbcs	50	b66	bcs	70		
11	Td4	u16	31	Tb64	Q6	51	b68	bcs	71		
12	b22	bc7	32	Td6	Tb7	52	bcs		72		
13	Td1	b68	33	Td4	bcs	53			73		
14	Td1	b68	34	Td4	Tdcs	54			74		
15	h7	b68	35	b66	b67	55			75		
16	Tcs	c5	36	Tb3	Td8	56			76		
17	u15	u15	37	Td7	Td7	57			77		
18	cd	b68	38	Td3	Tdcs	58			78		
19	Td6	b67	39	Td4	bcs	59			79		
20	Td7	Hg7	40	bcs	Hg7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Han			Wang, Yinglun			S94					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026/8/24

Group

Round

9

Board

3

WHITE Nomumundari Delger dalai						FED MGL			RESULT (W) 1		
BLACK Wang, Yin gluo						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	ac3	f6	41	h4	ac5	61		
2	c4	c5	22	b4	ac8	42	af4	ab8	62		
3	g3	g6	23	b6	ac5	43	Qn3	bc5	63		
4	Bg2	Bg7	24	ac3	ac8	44	Qd5	ac5	64		
5	O-O	O-O	25	Pb1	Bc5	45	ac4	c6	65		
6	d4	cd	26	Id4	ac3	46	ab3	ac5	66		
7	Nd4	Nb6	27	Id3	ac7	47	Id3	ac8	67		
8	Nc6	bc	28	Id3	ac8	48	Id4	ac5	68		
9	Nc3	Id7	29	Id3	ac7	49	Id3	ac8	69		
10	Bc3	Nd4	30	Id4	ac1	50	ab6	ac6	70		
11	Id4	Nf6	31	Id4	ac6	51	Id4	ac8	71		
12	Id2	ac7	32	Id6	ac7	52	Id6		72		
13	Id1	ac8	33	Id4	ac5	53			73		
14	Id1	Id6	34	Id7	ac6	54			74		
15	h3	ab8	35	ab6	Id7	55			75		
16	Id3	c5	36	Id6	Id8	56			76		
17	Nd5	Nd5	37	Id7	Id7	57			77		
18	cd	Id8	38	Id3	Idcs	58			78		
19	Id6	b67	39	Id4	bc8	59			79		
20	Bg7	Id7	40	Id3	Id7	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Han						SIGNATURE (BLACK) Wang, Yin gluo			SIGNATURE (ARBITER) S94		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.29

Group G8
Round 9
Board 4

WHITE Hong, Yi-Fan						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Gong, Zi-yi xuan						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Rd1	Qe6	41	ab8	Kd7	61		
2	Nc3	Nf6	22	Rf1	Re7	42	g3	Qd4	62		
3	Nf3	db	23	Rb7	bb	43	Qb7	Kd8	63		
4	e3	cb	24	h3	Qd6	44	Qb8	Ke7	64		
5	d4	exd4	25	Qf3	Re4	45	Qc7	Re6	65		
6	exd4	d5	26	Rb5	Q6	46	Qc6	Ke5	66		
7	Bg5	Bb4	27	Rb3	b5	47	Qc7	Ke4	67		
8	cxn5	Bxc3	28	Qd3	Re1	48	Qc2	Kf3	68		
9	bxc3	Cxh5	29	Rb1	Rb1	49	Qf5	Ke2	69		
10	Bd5	Bd7	30	Qb1	Rc8	50	Qh5	Kf1	70		
11	Bd7	Nd7	31	Re1	Qa3	51			71		
12	O-O	O-O	32	Qa1	b4	52			72		
13	Ne5	Kb8	33	Qb1	Rxc3	53			73		
14	Nxd7	Qd7	34	Rxc3	Qc3	54			74		
15	Bf5	gxf6	35	Qd1	a5	55			75		
16	Qf3	Qd6	36	Kh2	Qc4	56			76		
17	Rb1	Qc6	37	Qd2	Q7	57			77		
18	Rfc1	Rc8	38	Qf4	Kg7	58			78		
19	ah5	Re7	39	Qg3	Kf8	59			79		
20	Rb3	Re8	40	Qd6	Ke8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Hong Yi-Fan			Gong Zi-yi xuan			S92					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.29

Group G8
Round 9
Board 4

WHITE Hong, Yi-Fan						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Gong, Zi-yi xuan						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Qe6	21	Rd1	Qe6	41	Qb7	Kd7	61		
2	Nc3	Nf6	22	Rf1	Rc7	42	g3	Qxd4	62		
3	Nf3	db	23	R3b1	bb	43	Qb7	Kd8	63		
4	e3	cb	24	h3	Qd6	44	Qb8	Ke7	64		
5	d4	exd4	25	Qf3	Re4	45	Qc7	Re6	65		
6	exd4	d5	26	Rb5	Q6	46	Qc6	Ke5	66		
7	Bg5	Bb4	27	Rb3	b5	47	Qc7	Ke4	67		
8	cxn5	Bxc3	28	Qd3	Re1	48	Qc2	Kf3	68		
9	bxc3	Cxh5	29	Rb1	Rb1	49	Qf5	Ke2	69		
10	Bd5	Bd7	30	Qxb1	Rc8	50	Qh5	Kf1	70		
11	Bd7	Nd7	31	Re1	Qa3	51			71		
12	O-O	O-O	32	Qa1	b4	52			72		
13	Ne5	Kb8	33	Qb1	Rxc3	53			73		
14	Nxd7	Qd7	34	Rxc3	Qxc3	54			74		
15	Bf5	gxf6	35	Qd1	a5	55			75		
16	Qf3	Qd6	36	Kh2	Qc4	56			76		
17	Rb1	Qc6	37	Qd2	Q7	57			77		
18	Rfc1	Rc8	38	Qf4	Kg7	58			78		
19	ah5	Re7	39	Qg3	Kf8	59			79		
20	Rb3	Re8	40	Qd6	Ke8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Hong Yi-Fan			Gong Zi-yi xuan			S96					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group 608
Round 9
Board 5

WHITE ~~Zheng, Jiutian~~ Zheng, Jiutian						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Guo, Hezi						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	~~Ra6~~ a4	b6	41			61		
2	c4	~~d5~~ d5	22	Ra6	h6	42			62		
3	ed	cd	23	Qa3	Qa5	43			63		
4	d4	~~e6~~ e6	24	~~Qc4~~ a3	Re8	44			64		
5	Nc3	Nf6	25	Qa3	Qa4	45			65		
6	c5	Nc6	26	Qe3	Re8	46			66		
7	Bb5	Be7	27	b5	bc	47			67		
8	Bf4	o-o	28	Bc5	~~Ra8~~ Ra8	48			68		
9	Nf3	Bd7	29	~~Ra5~~ a5	a6	49			69		
10	Bc6	~~Ba6~~ Ba6	30	Rc4	dc	50			70		
11	~~o-o~~ o-o	Nh5	31	~~b6~~ b6	Qf5	51			71		
12	Be3	Rc8	32	Qc1	~~Qa4~~ Qa4	52			72		
13	Ne5	Nf6	33	Rb4	Rb8	53			73		
14	b4	Nc4	34	~~Re8~~ Re8	Re8	54			74		
15	Qc2	Nc3	35	Rb4	Rb7	55			75		
16	Qc3	Bb5	36	h3	e5	56			76		
17	Bf6	Bf4	37	Qe3	ed	57			77		
18	Bf4	~~Ba6~~ Ba6	38			58			78		
19	~~Ba6~~ Ba6	Bc4	39			59			79		
20	Bd6	Re8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zheng, jiutian			Guo, Hezi			991,					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.29

Group 608
Round 9
Board 5

WHITE zheng, jiutian						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Guo, Hezi						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	a4	b6	41			61		
2	c4	d5	22	~~Ra6~~ Ra6	h6	42			62		
3	ed	cd	23	Qa3	Qa5	43			63		
4	d4	e6	24	Qc3	~~Re8~~ Re8	44			64		
5	Nc3	Nf6	25	Qa3	Qa4	45			65		
6	c5	Nc6	26	Qe3	Re8	46			66		
7	Bb5	Be7	27	b5	bc	47			67		
8	Bf4	o-o	28	Bc5	Ra8	48			68		
9	Nf3	Bd7	29	a5	a6	49			69		
10	Bc6	Ba6	30	Rc4	dc	50			70		
11	o-o	Nh5	31	b6	Qf5	51			71		
12	Be3	Rc8	32	Qc1	~~Qa4~~ Qa4	52			72		
13	Ne5	Nf6	33	Rb4	Rb8	53			73		
14	b4	Nc4	34	~~Re8~~ Re8	Re8	54			74		
15	Qc2	Nc3	35	Rb4	Rb7	55			75		
16	Qc3	Bb5	36	h3	e5	56			76		
17	Bf6	Bf4	37	Qe3	ed	57			77		
18	Bf4	~~Ba6~~ Ba6	38			58			78		
19	~~Ba6~~ Ba6	Bc4	39			59			79		
20	Bd6	Re8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zheng, jiutian			Guo, Hezi			991,					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

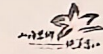


Date 22 Aug 2026

Group G08
Round a/a
Board 6

WHITE Syrie Tay Sin En						FED SGP			RESULT (W) 0-1		
BLACK Lee Xin En Zoe						FED SGP			RESULT (B) 0-1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Ra5	Nb6	41	Kh4	Nc2	61	kg4	Qf2
2	d4	d5	22	Rc5	Qd3	42	Nd3	e5	62	kg5	kh4
3	e5	Bf5	23	Bg4	Bxg4	43	Nc5	d4	63	Qf5	kg3
4	Bf4	e6	24	Qxg4	Nc4	44	Nd3	e4	64	kg6	kh2
5	as	c5	25	Nf3	h6	45	Nc1	Na1	65	Qg4	kh1
6	c3	Nc6	26	Bh4	Nxh4	46	f4	d3	66	kf5	kh2
7	Nf3	Cxd4	27	Nxh4	Qg5	47	Na2	d2	67	kf4	kh1
8	Cxd4	Nge7	28	Qxg5	hxg5	48	Nc3	e3	68	kf3	kh2
9	Nc3	Ng6	29	Nf3	f6	49	g4	d1=Q	69	Qg2#	
10	Bg3	Be7	30	Exf6	~~Bxf6~~	50	Nxd1	e2	70		
11	Be2	O-O	31	Re1	Rfe8	51	Nb2	e1=Q	71		
12	O-O	Qb6	32	h4	gxh4	52	Kh3	Qe3	72		
13	Na4	Qc7	33	Nxh4	Nxa3	53	kh4	Qxb2	73		
14	h3	Nb8	34	Ng6	kf7	54	g5	fxg5	74		
15	Rc1	Qa5	35	Nf4	Nb5	55	fxg5	Qb4	75		
16	Nc5	Bxc5	36	Rd1	Rac8	56	kh5	kg7	76		
17	Rxc5	Qb6	37	Rxc8	Rxc8	57	g6	kf6	77		
18	b4	Nd7	38	kh2	Rc4	58	g1	kxg7	78		
19	Rb5	Qc7	39	kg3	Rxd4	59	kg5	Qe1	79		
20	Ne1	ag	40	Rxd4	Nxd4	60	kf5	Qe3	80		
SIGNATURE (WHITE) Sfj			SIGNATURE (BLACK) Sfj			SIGNATURE (ARBITER) Sfj					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22 AUG

Group G8
Round a
Board 6

WHITE Tay Sin En Syrie						FED SGP			RESULT (W) 0		
BLACK Lee Xin En Zoe						FED SGP			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ea	c6	21	Ra5	Nb6	41	Kh4	Nc2	61	kg4	Qf2
2	da	d5	22	Rc5	Qd3	42	Qa	e5	62	kg5	kh4
3	es	Bf5	23	Bg4	Bxg4	43	Nc5	d4	63	kh4	Qf5
4	Qf4	e6	24	Qg4	Nc4	44	Na5	ea	64	kg3	kh2
5	h3	c5	25	Nf3	h6	45	Nc1	Na1	65	kh2	Qg4
6	c3	Nc6	26	Bh4	Nh4	46	~~Na2~~	d3	66	kh1	kf5
7	Nf3	Cd4	27	Nh4	Qd5	47	Na2	d2	67	kh2	kf5
8	cd4	Ne7	28	Qg5	gh5	48	Nc3	e3	68	kh1	kf5
9	Nc3	Ng6	29	Nf3	f6	49	g4	d1=Q	69	kh2	Qg2#
10	Bg3	Be7	30	ef6	gxf6	50	Na1	e2	70		
11	Be2	O-O	31	Re1	Rfe8	51	Nb2	e1=Q	71		
12	O-O	Qb6	32	h4	gh4	52	Kh3	Qe3	72		
13	Na4	Qc7	33	Nh4	Nq3	53	kh4	Qb2	73		
14	h3	Nb8	34	Nf6	kf7	54	g5	fxg5	74		
15	Nc1	Qa5	35	Nf4	Nb5	55	fxg5	Qb4	75		
16	Nc5	Bc5	36	Rd1	Rac8	56	kh5	kg7	76		
17	Rxc5	Qb6	37	Rxc8	Rc8	57	g6	kf6	77		
18	b4	Nd7	38	kh2	Rc4	58	g1	kxg7	78		
19	Rb5	Qc7	39	kg3	Rxd4	59	kg5	Qe1	79		
20	Na1	ag	40	Rd4	Nd4	60	kf5	Qe3	80		
SIGNATURE (WHITE) Sfj			SIGNATURE (BLACK) Sfj			SIGNATURE (ARBITER) SS4					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group G-8
Round 9

WHITE Margad-Fendene Amgalansuri						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Ng, Yan Ning						FED SGP		RESULT (B) 0.			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e5	21	Rd1.	Rd1	41	Kc5.	Kb3	61	Qf8.	Kg6.
2	h3.	h3	22	Ne5.	Ne3.	42	Kb5	Bd3	62	Ke5.	Kb5.
3	d4	e5	23	KP2.	u2.	43	Kc5.	Kc2.	63	KP5.	Kh4.
4	h4	Bc5	24	Bg4	F3	44	Ne5.	Bc1	64	Qh6	Kg3
5	Bc5.	Qf6	25	Bf3	h4	45	g4.	F6	65	ag5.	Ka7
6	c3.	h3.	26	h4	Qd1.	46	Mc4.	Bg2.	66	Qc3	Ke2
7	Bc4	h6	27	Rd1.	ec6.	47	F4	Kd3.	67	Qg3.	Kf1.
8	O-O	O-O	28	Rd1	Re8	48	b5.	Ke2	68	Qh2.	Ke1
9	h4	h4	29	Re8	Ka8	49	b6.	Kf2	69	Ke4.	Kd3.
10	h4	d5.	30	b4.	Kd7.	50	h4	Kg3	70	~~Bd4~~	Kc1
11	ea	h4	31	h4	Ka8	51	h4	Kg4.	71	Qc2#	
12	h4	ac6.	32	h4	Kc6.	52	b7.	Bc6.	72		
13	Qh5.	Bc6	33	Kf2.	Kb7	53	Kc6.	Ka4	73		
14	b3	b5	34	Mc5.	Kc6	54	b6-Q	Kg4.	74		
15	Bd3	h6	35	Ke5.	Ka5.	55	Qg8	g5.	75		
16	c4	Bd4	36	h4	eo.	56	Qg8	g5.	76		
17	h3	Qd3.	37	h4	Kc4	57	h2.	Fg.	77		
18	ed	Qd5.	38	h4	Kc3.	58	Qc6.	Kh4	78		
19	Qd5	Ba5.	39	h4.	Kb2	59	Qh6.	Kg4	79		
20	h4	Rd8	40	Kd5.	Ka2	60	Kd5.	Kc5.	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Margad			Ng, Yan Ning			394					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29 Aug

Group G-8
Round 9

WHITE Margad-Fendene, Amgalansuri						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Yan Ning						FED SGP		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	Re8	41	~~Kc5~~ Kc2	Kc2	61	Qf8	Kg6
2	Nf3	Nc6	22	Nf5	Bc6	42	Kb3	Kxb5	62	Kc5	Kb5
3	d4	e4	23	Ne3	Kc8	43		Bd3	63	Kc5	Kb4
4	Nxh4	Bc5	24	Ne2	~~Bc1~~ Bc4	44	Kc5	Kc2	64	Qh6	Kg3
5	Be3	Qf6	25	f3	Bf5	45	Ne5	Bc1	65	Qxg5	Kf3
6	c3	Nf7	26	Nh4	Bg6	46	g4	F6	66	Qf4	Ke2
7	Bc4	a6	27	Nc6	Rd1	47	Nc4	Bg2	67	g3	Kf5
8	O-O	O-O	28	Rd1	Re6	48	f4	Kd3	68	Kh2	Kc1
9	Nxc6	Qxc6	29	Re8	Re8	49	b5	Kc2	69	~~Kf1~~	~~Kd3~~
10	Nd2	d5	30	~~Rc8~~ Rc5	Kxc8	50	b6	Kf2	70		Kd
11	~~Re5~~	Nh5	31	b4	Kd7	51	Na4	Kg3	71	Kd3	Kc1
12	Bxc6	Qxc6	32	Nb8	Kd6	52	Nc6	Kc9	72	Qd4	
13	Qh5	Bc6	33	Nxa6	~~Kc6~~	53	f7	BxL6	73		
14	b3	b5	34	Kf2	Kb7	54	Kc6	Kxf4	74		
15	Bd3	b6	35	Nc5	Kc6	55	b1a	Kg4	75		
16	c4	a4	36	Kc3	Kd5	56	Qg8	g5	76		
17	Nf3	Qxh3	37	Na6	d6	57	Kxg5	~~Qxg5~~	77		
18	Kxh5	Qxh5	38	Nb8	Kc4	58	Qe6	Kc4	78		
19	Qxh5	Bxh5	39	Nf6	~~Kc3~~ Kc3	59	Qxh6	Kd4	79		
20	Kd4	Rd8	40	~~Kb3~~ Kd4	Kb2	60	Kd5	Kc5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Margad			Ning Yan			394					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29/8/2026

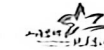
Group 68

Round 9

Board 8

WHITE kannaphat, Kijkanjai						FED THA			RESULT (W) 0		
BLACK oh, Yeram						FED KOR			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qg4	d5	41	a4	bxa4	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qf3	dxe4	42	b5	axb5	62		
3	Nc3	Nf6	23	Qg3	Qxc2	43	Kt1	Rd1	63		
4	Bb5	Nd4	24	Bd4	Qxd2	44			64		
5	Nxd4	exd4	25	Qxc2	Qxd4	45			65		
6	Ne2	Nxe4	26	Qxe4	Ng6	46			66		
7	Nxd4	Qh4	27	Qe8	Kf5	47			67		
8	O-O	Bd6	28	g4	Kf4	48			68		
9	Nf3	Qh5	29	Rf1	Qd7	49			69		
10	Re1	Qxb5	30	ah5	Qxg4	50			70		
11	Rxe4	Kf8	31	Qxg4	Bxg4	51			71		
12	Qe1	g6	32	Re1	Bh3	52			72		
13	b3	f6	33	Re3	Rd8	53			73		
14	Re8	kg7	34	Rg3	Rd8	54			74		
15	Rxb8	Kxb8	35	Rxb3	Gxh3	55			75		
16	Bb2	kg7	36	Kf1	Kf3	56			76		
17	Qe4	Qc6	37	Ke1	e3	57			77		
18	Qh4	Be7	38	fxc3	Kxe3	58			78		
19	Ng5	h6	39	a3	b5	59			79		
20	Ne4	g5	40	b4	a6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) kannaphat k.			SIGNATURE (BLACK) oh			SIGNATURE (ARBITER) Ssu					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29

Group 68

Round 9

Board 8

WHITE Kijkanjai, Kannaphat						FED ~~THA~~			RESULT (W) 0		
BLACK oh, Yeram						FED ~~KOR~~			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qg4	d5	41	a4	bxa4	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qf3	dxe4	42	b5	axb5	62		
3	Nc3	Nf6	23	Qg3	Qxc2	43	Kf1	Rd1	63		
4	Bb5	Nd4	24	Bd4	Qxd2	44			64		
5	Nxd4	exd4	25	Qxc2	Qxd4	45			65		
6	Ne2	Nxe4	26	Qxe4	Ng6	46			66		
7	Nxd4	Qh4	27	Qe8	Kf5	47			67		
8	O-O	Bd6	28	g4	Kf4	48			68		
9	Nf3	Qh5	29	Rf1	Qd7	49			69		
10	Re1	Qxb5	30	ah5	Qxg4	50			70		
11	Rxe4	Kf8	31	Qxg4	Bxg4	51			71		
12	Qe1	g6	32	Re1	Bh3	52			72		
13	b3	f6	33	Re3	Rd8	53			73		
14	Re8	kg7	34	Rg3	Rd8	54			74		
15	Rxb8	Kxb8	35	Rxb3	Gxh3	55			75		
16	Bb2	kg7	36	Kf1	Kf3	56			76		
17	Qe4	Qc6	37	Ke1	e3	57			77		
18	Qh4	Be7	38	fxc3	Kxe3	58			78		
19	Ng5	h6	39	a3	b5	59			79		
20	Ne4	g5	40	b4	a6	60			80		
SIGNATURE (WHITE) kannaphat k.			SIGNATURE (BLACK) oh			SIGNATURE (ARBITER) Ssu					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29-08-2026

Group G08
Round 9
Board 9

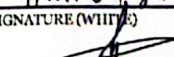
WHITE Nur Aara Daniel						FED Mas		RESULT (W) 1			
BLACK nishigawa, Aona						FED Jpn		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	0-0	Qa6	41	Rd7	Kc5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qa1	Qxa1	42	f4	Kc6	62		
3	d4	e4d4	23	Rxa1	a6	43	Rd2	Kc5	63		
4	Nxd4	Bc5	24	Bxd6	rs	44	f5	Kc4	64		
5	Be3	Qf6	25	Nc5	Ke8	45	f6	Kc3	65		
6	Nb5	Qxb2	26	Rc1	Bd7	46	Rd7	Kc4	66		
7	Bc5	Qa1	27	QRc7	Be6	47	F7	Kc5	67		
8	Nxc7	Kd8	28	e4f5	Bxf5	48	f8=Q	Kc6	68		
9	Nxa8	Qxa2	29	Re7	Kd7	49	Qc8+	Kb6	69		
10	Nd2	Qb2	30	Nxf7	Kc8	50	Rb7	Ka6	70		
11	Bd6	Nb4	31	Nxh8	b5	51	Qa8#		71		
12	Bd3	Nxd3	32	Ra7	Bxd3	52			72		
13	cxd3	Qc3	33	Rxa6	b4	53			73		
14	Qb1	Qd4	34	Rb6	Kc7	54			74		
15	Bc7	Ke8	35	Bxb4	Kc7	55			75		
16	Bg3	d6	36	Bc5	Kd7	56			76		
17	Nc7	Kd8	37	Rd6	Kc7	57			77		
18	Nd5	Nf6	38	Rxd3	Kc6	58			78		
19	Nf3	Qa4	39	Rh3	Kc5	59			79		
20	Nxf6	gxf6	40	Rxh7	Kc4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Aona			S94					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29/2026

Group G08
Round 9
Board 9

WHITE						FED		RESULT (W)			
Mohd Shahrul Annwar Nur Aara Daniel						MAS		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Nishigawa Aona						JPN		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	O-O	Qa6	41	Rd7	Kc5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qa1	Qxa1	42	f4	Kc6	62		
3	d4	exd4	23	Rxa1	a6	43	Rd2	Kc5	63		
4	Nxd4	Bc5	24	Bxd6	f5	44	f5	Kc4	64		
5	Be3	Qf6	25	Nc5	Ke8	45	f6	Kc3	65		
6	Nb5	Qxb2	26	Rc1	Bd7	46	~~Rd7~~	~~Kc4~~	66		
7	Bxc5	Qxa1	27	Rc7	Be6	47	~~f4~~	~~Kc5~~	67		
8	Nxc7	Kd8	28	exf5	Bxf5	48	f8=a	Kc6	68		
9	Nxa8	Qxa2	29	Re7	Kd8	49	Qc8+	Kb6	69		
10	Nd2	Qb2	30	Nxf7	Kc8	50	Rb7	Ka6	70		
11	Bd6	Nb4	31	Nxh8	b5	51	Qa8#		71		
12	Bd3	Nxd3	32	Ra7	Bxd3	52			72		
13	cxd3	Qc3	33	Rxa6	b4	53			73		
14	Qb1	Qd4	34	Rb6	Kd7	54			74		
15	Bc7	Kc8	35	Bxb4	Kc7	55			75		
16	Bg3	d6	36	Bc5	Kd7	56			76		
17	Nc7	Kd8	37	Rd6	Kc7	57			77		
18	Nd5	Nf6	38	Rxd3	Kc6	58			78		
19	Nf3	Qa4	39	Rh3	Kxc5	59			79		
20	Nxf6	gxf6	40	Rxh7	Kc4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			aona			SS4					

Date	Bo
2026/08/29	10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026 2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29-8
2026

Group	G08
Round	9
Board	10

WHITE HUYNH THANH TRUC						FED VIE			RESULT (W) 1		
BLACK PANGESTIKA NIRMALA WENING						FED INDIA			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nd5	NJ5	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Nxb6	Qxb6	42			62		
3	Bc4	Bc5	23	Qxd7		43			63		
4	c3	Nf6	24			44			64		
5	d3	h6	25			45			65		
6	0-0	0-0	26			46			66		
7	b4	Bb6	27			47			67		
8	b5	Nh5	28			48			68		
9	Nxe5	Nxc4	29			49			69		
10	Nxc4	d6	30			50			70		
11	Nxb6	axb6	31			51			71		
12	h3	Bd7	32			52			72		
13	c4	Qe7	33			53			73		
14	Bb2	c6	34			54			74		
15	Nc3	Qe8	35			55			75		
16	d4	c5	36			56			76		
17	Re1	Qd8	37			57			77		
18	d4	Re8	38			58			78		
19	e5	dx5	39			59			79		
20	dx5	Nh7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Huynh Thanh Truc			SIGNATURE (BLACK) Pm			SIGNATURE (ARBITER) gsm					